

Bản án số: 13/2019/DS-ST

Ngày: 08 -4-2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Trịnh Quốc Toàn

Ông Võ Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 287/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 15/2019/QĐST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

Châu Ngọc N (6 N), sinh năm: 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 391 E, ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh T.

- Bị đơn:

Nguyễn Tiến C, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2, ấp B, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21/01/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Châu Ngọc N trình bày:

Ông có cho anh Nguyễn Tiến C vay nhiều lần với tổng số tiền là 203.000.000 đồng, vay có kỳ hạn, không lãi suất, các lần vay tiền anh C đều có làm biên nhận và ký tên. Cụ thể các lần anh C vay tiền như sau:

- Lần 1: Vào ngày 18/01/2017 anh C vay số tiền 48.000.000 đồng.
- Lần 2: Vào ngày 10/4/2017 anh C vay số tiền 24.000.000 đồng
- Lần 3: Vào ngày 10/4/2017 anh C vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Lần 4: Vào ngày 24/4/2017 anh C vay số tiền 24.000.000 đồng
- Lần 5: Vào ngày 24/4/2017 anh C vay số tiền 22.000.000 đồng
- Lần 6: Vào ngày 01/6/2017 anh C vay số tiền 15.000.000 đồng
- Lần 7: Vào ngày 04/6/2017 anh C vay số tiền 20.000.000 đồng

Các lần vay anh C là người vay, nhận tiền vay và hiện nay số tiền vay nêu trên anh C chưa trả vốn và không có đóng lãi cho ông. Anh C vay tiền nói là để buôn bán khô.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Tiến C phải trả cho ông số tiền vay là 203.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, ông Châu Ngọc N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Tiến C đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ, được triệu tập họp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh C đều vắng mặt. Đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Ngọc N ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn anh Nguyễn

Tiến C. Các chứng cứ nguyên đơn ông N cung cấp là giấy vay tiền, biên nhận nợ do bị đơn anh C ghi và ký tên (Bút lục số 04 đến 12) đều thể hiện địa chỉ anh C cư ngụ là ấp B, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh T, đúng với địa chỉ nguyên đơn ông N cung cấp và ghi trong đơn khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Các chứng cứ nguyên đơn ông N cung cấp là giấy vay tiền, biên nhận nợ do bị đơn anh Nguyễn Tiến C ghi và ký tên (Bút lục số 04 đến 12) đều thể hiện rõ ngày tháng năm vay, số tiền vay (Ghi cả bằng số và bằng chữ), thời hạn vay, thời hạn trả tiền vay, anh C đều có ký tên và ghi rõ họ tên trong các giấy vay tiền, biên nhận nợ. Tổng số tiền anh C vay thể hiện trong nội dung các giấy vay tiền, biên nhận nợ là 203.000.000 đồng, phù hợp với số tiền vay nguyên đơn ông N khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa ông N và anh C có quan hệ giao dịch vay tiền. Số tiền vay 203.000.000 đồng hiện nay đã đến hạn trả nợ nhưng anh C chưa trả cho ông N là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 203.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn ông N không yêu cầu trả lãi suất của số tiền vay nêu trên. Đây là sự tự nguyện của ông N nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[2.3] Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông N chỉ khởi kiện yêu cầu một mình anh C trả tiền nợ vay vì anh C chưa có vợ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết buộc anh C trả nợ theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của ông N là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh C phải chịu án phí là:

203.000.000 đồng x 5% = 10.150.000 đồng (Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Ngọc N đòi anh Nguyễn Tiến C trả tiền nợ vay.

2. Buộc anh Nguyễn Tiến C phải có nghĩa vụ trả cho ông Châu Ngọc N số tiền nợ vay 203.000.000 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu đồng).

3. Ghi nhận ông Châu Ngọc N không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Nguyễn Tiến C phải chịu 10.150.000 đồng (Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Châu Ngọc N là người cao tuổi không có nộp tiền tạm ứng án phí nên không có hoàn trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn ông Châu Ngọc N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Tiến C vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương